

Số: /TB-UBND

Phấn Mễ, ngày tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách 9 tháng năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về Quản lý ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Phú Lương về việc giao Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2023 huyện Phú Lương ;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Phấn Mễ khoá XX kỳ họp thứ 5 về việc thông qua Dự toán thu - chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Phấn Mễ về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

UBND xã Phấn Mễ thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách xã 9 tháng năm 2023. như sau:

1. Hồ sơ niêm yết công khai:

- Thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách 9 tháng năm 2023:
- Biểu 113 - Cân đối ngân sách xã 9 tháng năm 2023.
- Biểu 114 - Ước thực hiện thu ngân sách xã 9 tháng năm 2023
- Biểu 115 - Ước thực hiện chi ngân sách xã 9 tháng năm 2023

2. Hình thức, thời gian công khai:

- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Thông báo;
- Thông báo trên hệ thống truyền thanh.
- Công khai trên trang thông tin điện tử của xã.

Trên đây là Thông báo của UBND xã Phấn Mễ về việc công bố công khai Biểu số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách 9 tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ, các tổ chức CT - XH
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Minh Phúc

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2023

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của UBND xã Phấn Mỹ)

1. Tình hình thực thực hiện thu ngân sách 9 tháng năm 2023

- Thu ngân sách trên địa bàn: 712.831.432đ đạt 57% kế hoạch năm, cụ thể:

+ Phí, lệ phí	:	41.405.500đ.
+ Thu khác	:	141.000.000đ.
+ Thuế GTGT	:	140.888.131đ.
+ Thuế TNSN từ SXKD	:	90.463.267đ.
+ Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS:		204.695.950đ.
+ Thuế PNN	:	4.481.704đ.
+ Lệ phí trước bạ	:	50.096.880đ.
+ Lệ phí môn bài	:	39.800.000đ.

- Thu điều tiết ngân sách xã: 728.245.675 đạt 83% kế hoạch năm, cụ thể:

+ Phí, lệ phí	:	41.405.500đ.
+ Thu khác	:	141.000.000đ.
+ Thuế GTGT	:	135.252.607đ.
+ Thuế TNSN từ SXKD	:	43.422371đ.
+ Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS:		98.254.067đ.
+ Thuế PNN	:	4.481.704đ.
+ Lệ phí trước bạ	:	25.048.445đ.
+ Thuế tài nguyên	:	2.700.000đ.
+ Lệ phí môn bài	:	39.800.000đ.

- Tổng thu ngân sách xã: 8.345.820.259 đạt 122% kế hoạch năm.

Trong đó: - Thu điều tiết: : 728.245.675đ.

- Thu bổ sung NS từ cấp trên : 6.846.475.000đ.

Trong đó + Bổ sung cân đối NS : 4.696.000.000đ.

+ Bổ sung có mục tiêu : 2.150.475.000đ.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách 9 tháng năm 2023:

Tổng số chi: 7.005.058.024 đồng đạt 102% kế hoạch năm, trong đó:

- Chi thường xuyên: 4.994.763.024 đồng đạt 74% kế hoạch năm.

- Chi đầu tư XD CB: 1.810.295.000đ, trong đó chi từ nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất: 126.000.000 đồng, chi từ nguồn vốn xi măng thanh tra toán trả nợ đối với số lượng xi măng đã tiếp nhận các công trình thi công năm 2022: 596.295.000 đồng, chi từ nguồn đóng góp của nhân dân: 642.000.000 đồng, từ nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng NTM: 446.000.000 đồng.

- Chi tạm ứng từ dự toán: 200.000.000đ.

3. Đánh giá tính hình thực hiện:

- Trên cơ sở dự toán được giao, UBND tích cực chỉ đạo các bộ phận chuyên môn được giao kế hoạch thu, phối hợp với cán bộ thuế phụ trách địa bàn thực hiện thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước để cùng với nguồn ngân sách được cấp bổ sung từ cấp trên thực hiện cân đối, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo dự toán. Tuy nhiên tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách khó khăn do các nguyên nhân khác nhau, ảnh hưởng lớn đến công tác thu ngân sách và khả năng hoàn thành theo kế hoạch.

- Các nhiệm vụ chi đã được kiểm soát, điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, được theo dõi và kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước đảm bảo các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành, cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Các nhiệm vụ chi thường xuyên theo dự toán còn lại sẽ được thực hiện trong quý 4 năm 2023 đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi theo dự toán giao.

- Công tác giải ngân, thanh toán nguồn kinh phí chi đầu tư XD CB đảm bảo đúng nguồn vốn, công trình được cấp trên phân bổ theo kế hoạch, tỷ lệ giải ngân đạt 80% kế hoạch vốn giao, trong quý 4 sẽ thanh toán đối với kế hoạch vốn còn lại khi khối lượng các công trình khởi công mới năm 2023 đảm bảo về tiến độ, thời gian thi công.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 9 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (9 THÁNG)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	6.867.000.000	8.345.820.259	122
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	245.000.000	824.405.500	336
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	629.000.000	545.840.175	87
3	Thu bổ sung	5.993.000.000	6.846.475.000	114
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.993.000.000	4.696.000.000	78
	- Bổ sung có mục tiêu		2.150.475.000	
4	Thu chuyên nguồn		129.099.584	
II	TỔNG SỐ CHI	6.867.000.000	6.805.058.024	99
1	Chi đầu tư phát triển		1.810.295.000	
2	Chi thường xuyên	6.732.000.000	4.994.763.024	74
3	Dự phòng	135.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (9 THÁNG NĂM 2023)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	7.241.000.000	6.867.000.000	8.329.587.936	8.345.820.259	115	122
I	Các khoản thu 100%	245.000.000	245.000.000	824.405.500	824.405.500	336	336
1	Phí, lệ phí	65.000.000	65.000.000	41.405.500	41.405.500	64	64
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			642.000.000	642.000.000		
8	Thu khác	180.000.000	180.000.000	141.000.000	141.000.000	78	78
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.003.000.000	629.000.000	529.607.852	545.840.175	53	87
1	Các khoản thu phân chia	168.000.000	106.500.000	94.078.584	69.330.149	56	65
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	5.000.000	4.481.704	4.481.704	90	90
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	40.000.000	40.000.000	39.800.000	39.800.000	100	100
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	123.000.000	61.500.000	49.796.880	25.048.445	40	41
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	835.000.000	522.500.000	435.529.268	476.510.026	52	91
2.1	Thu tiền sử dụng đất						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (9 THÁNG NĂM 2023)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên				2.700.000		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	210.000.000	210.000.000	140.370.051	135.252.607	67	64
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	625.000.000	312.500.000	295.159.217	338.557.419	47	108
2.6.1	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công				196.880.981		
2.6.2	Thuế thu nhập cá nhân từ SX chuyển nhượng đất	500.000.000	250.000.000	204.695.950	98.254.067	41	39
2.6.3	Thuế thu nhập cá nhân từ SX KD	125.000.000	62.500.000	90.463.267	43.422.371	72	69
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			129.099.584	129.099.584		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.993.000.000	5.993.000.000	6.846.475.000	6.846.475.000	114	114
1	Thu bổ sung cân đối	5.993.000.000	5.993.000.000	4.696.000.000	4.696.000.000	78	78
2	Thu bổ sung có mục tiêu			2.150.475.000	2.150.475.000		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (09 THÁNG NĂM 2023)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	6.867.000.000		6.867.000.000	6.805.058.024	1.810.295.000	4.994.763.024	99		73
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.127.115.000		1.127.115.000	925.691.394		925.691.394	82		82
11	Chi dân quân tự vệ	541.082.000		541.082.000	453.355.194		453.355.194	84		84
12	Chi trật tự an toàn xã hội	586.033.000		586.033.000	472.336.200		472.336.200	81		81
2	Chi giáo dục				65.000.000	65.000.000				
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế									
5	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	56.100.000		56.100.000	160		160
6	Chi phát thanh, truyền thanh									
7	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	19.700.000		19.700.000	79		79
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000	1.753.411.900	1.745.295.000	8.116.900	5.010		23
9.1	Giao thông				1.753.411.900	1.745.295.000	8.116.900			
9.2	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
9.3	Thị chính									
9.4	Thương mại, du lịch									
9.5	Các hoạt động kinh tế khác	35.000.000		35.000.000						

